

NGUYỄN THỊ BÌNH

**HIỆP ĐỊNH PARI
THẮNG LỢI CỦA Ý CHÍ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ
VÀ CHÍNH NGHĨA VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được chính thức ký kết ngày 27/01/1973 tại thủ đô Pari (Pháp) là một trong những văn kiện ngoại giao đặc biệt quan trọng của thế kỷ XX, đánh dấu thắng lợi mang tính bước ngoặt trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của Hiệp định Pari là kết tinh sức mạnh của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, là kết quả của sự phối hợp chặt chẽ giữa tiền tuyến và hậu phương, giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao. Đó còn là minh chứng hùng hồn cho ý chí kiên cường, tinh thần độc lập, tự chủ của nhân dân ta, đồng thời thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ, rộng khắp của bạn bè quốc tế và phong trào tiến bộ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, nhưng những giá trị lịch sử, ý nghĩa thời đại và tầm vóc của Hiệp định Pari vẫn còn nguyên vẹn sức sống. Hiệp định không chỉ là một văn kiện ngoại giao đánh dấu thắng lợi quan trọng của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mà còn là minh chứng điển hình cho bản lĩnh kiên cường, ý chí độc lập, tự chủ và khát vọng hòa bình của dân tộc ta. Nhằm góp phần làm sáng rõ hơn những giá trị lịch sử to lớn ấy, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật trân trọng giới thiệu cuốn sách ***Hiệp định Paris - Thắng lợi của ý chí độc lập, tự chủ và chính nghĩa Việt Nam*** của nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình - một trong những nhân chứng lịch sử tiêu biểu, trực tiếp tham gia và để lại dấu ấn sâu đậm tại bàn đàm phán Pari.

Thông qua những trang hồi ức chân thực và giàu cảm xúc, tác giả không chỉ tái hiện lại toàn cảnh một cuộc đấu tranh ngoại giao căng thẳng, quyết liệt và đầy thử thách, mà còn khắc họa sự kiên trì, bền bỉ và trí tuệ bản lĩnh của đoàn đàm phán cách mạng Việt Nam khi đối mặt với các nhà ngoại giao của một cường quốc hùng mạnh. Những câu chuyện, trải nghiệm và suy ngẫm của đồng chí Nguyễn Thị Bình giúp bạn đọc hình dung cụ thể, sinh động bối cảnh lịch sử và những bước đi chiến lược trên bàn đàm phán, mặt khác còn gợi mở nhiều bài học quý giá về tầm nhìn chính trị, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiên định nguyên tắc và linh hoạt sách lược, giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Cuốn sách còn ghi lại những kỷ niệm sâu sắc của tác giả với Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo, nhà ngoại giao đã gắn bó trực tiếp với tiến trình đàm phán Hiệp định Pari như Nguyễn Duy Trinh, Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, góp phần khắc họa chân dung, bản lĩnh và trí tuệ của những con người đã làm nên thắng lợi của ngoại giao Việt Nam.

Cuốn sách giúp chúng ta hiểu rõ hơn về một thắng lợi ngoại giao điển hình của cách mạng Việt Nam, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, củng cố niềm tin, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý chí độc lập, tự chủ cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Đồng thời, cuốn sách cũng là lời tri ân đến các thế hệ đi trước, những người đã trực tiếp góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc trong cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 10 năm 2025

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần thứ nhất

**MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG -
CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT
NAM TẠI HỘI NGHỊ PARI VỀ VIỆT NAM**

TỪ ĐỒNG KHỞI ĐẾN TẾT MẬU THÂN

... Sau cao trào Đồng khởi 1959 - 1960 của nhân dân miền Nam, Mỹ - Diệm ra sức khủng bố ác liệt, gây thêm biết bao tội ác man rợ. Bác Hồ ngày đêm canh cánh nỗi đau khổ và khát khao của đồng bào trên nửa phần đất nước. Bác và Đảng thấy rằng đã đến lúc cần có Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi ở miền Nam, tập hợp các lực lượng yêu nước dưới ngọn cờ đại nghĩa, nhằm đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và đánh đổ chính quyền độc tài tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, để nhân dân cả nước cùng đoàn tụ, cùng được sống tự do, yên ấm...

Khi đó, vùng giải phóng đã phát triển tới một nửa số xã ở miền Nam, cao trào cách mạng ngày càng thôi thúc. Tối hôm 19/12/1960, đại biểu các tầng lớp nhân dân nông thôn và thành thị, các dân tộc đa số và thiểu số, các tôn giáo, các đảng phái ở miền Nam mở đại hội tại một khu rừng thuộc xã Tân Lập, huyện Châu Thành, trong vùng giải phóng Tây Ninh. Các đại biểu họp thâu đêm, tới rạng sáng ngày 20/12/1960, Đại hội đi tới nhất trí thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và kêu gọi toàn thể đồng bào và các chiến sĩ đoàn kết chiến đấu đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và Ngô Đình Diệm.

Cương lĩnh của Mặt trận với mười chính sách đối nội

và đối ngoại thể hiện những mong muốn tha thiết nhất của mọi tầng lớp nhân dân, là hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm no áo ấm, thống nhất Tổ quốc, đã được sự hưởng ứng rộng rãi ở trong nước và sớm có tiếng vang trên trường quốc tế. Đặc biệt, Cương lĩnh nhấn mạnh đến đường lối đối ngoại hòa bình trung lập, càng làm nổi bật nguyện vọng của nhân dân ta, và thu hút được sự đồng tình của đông đảo các lực lượng yêu chuộng tự do, công lý trên thế giới, kể cả ở Mỹ và cả những người “không thích cộng sản”.

Cũng từ đó, lá cờ nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tung bay trong nước và lần lượt xuất hiện trên các diễn đàn khắp năm châu, tiêu biểu cho cuộc đấu tranh chính nghĩa và kiên cường của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Năm 1962, để mở rộng lực lượng và thanh thế của mình, Mặt trận Dân tộc Giải phóng chủ trương đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, gắn cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta với phong trào đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ trên thế giới. Các đoàn thể trong Mặt trận: Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, v.v., đã phối hợp với các đoàn của miền Bắc, đi dự các hội nghị quốc tế, thăm các nước, động viên dư luận, tuyên truyền giải thích để nhân dân thế giới hiểu rõ cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta. Các phong trào và tổ chức đoàn kết ủng hộ Việt Nam

lần lượt ra đời tại các nước, tạo thành một mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Tháng 6/1962, tôi được cử đi dự Đại hội Thanh niên thế giới ở Vácxava (Ba Lan) và Đại hội Sinh viên thế giới ở Mátxcova (Liên Xô). Đây là những chuyến đi đầu tiên của tôi ra nước ngoài. Mọi việc đều còn rất ngỡ ngàng. Nhưng trước thái độ niềm nở, thân tình của các bạn bè quốc tế và luôn luôn được sự hỗ trợ của các đoàn miền Bắc với những đồng chí đã có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động, chúng tôi thích nghi dần với công việc và cố gắng phát huy vai trò của mình. Bạn bè các nước khi gặp đoàn Thanh niên, Sinh viên Giải phóng miền Nam, trong đó có nhà thơ Thanh Hải, bác sĩ Xuân Thủy và cả một số chiến sĩ trẻ Giải phóng quân... đều thốt lên: “Anh chị em người nhỏ nhắn hiền lành thế này mà sao dũng cảm thế!”.

Đầu năm 1963, tôi làm Trưởng đoàn đại biểu Ủy ban Đoàn kết Á - Phi của miền Nam Việt Nam dự Đại hội Tổ chức Đoàn kết nhân dân Á - Phi lần thứ 10 (từ ngày 04 đến ngày 13/02/1963) tại Tanzania (một nước ở Đông Phi). Tổ chức Đoàn kết nhân dân Á - Phi ra đời từ phong trào nhân dân Á - Phi đấu tranh chống đế quốc giành độc lập dân tộc, nên tình cảm dành cho Việt Nam đã có từ khi nhân dân ta kháng chiến chống thực dân Pháp, nhất là từ

chiến thắng Điện Biên Phủ (1954), nay chuyển sang đoàn kết ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược là điều gần như tự nhiên. Tại Đại hội này, các nước đã công nhận ta là hội viên chính thức và bầu đại diện Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vào Ban Thư ký thường trực Hội đồng Đoàn kết Á - Phi. Suốt hai chục năm, tôi giữ chức Phó Chủ tịch của Hội đồng này...

Trong hai thập kỷ 1960 và 1970, những cuộc hội nghị của các tổ chức dân chủ quốc tế, được các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa làm nòng cốt, đều xem vấn đề Việt Nam là trung tâm số một. Nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá, xã hội ở các nước trân trọng đánh giá cao tinh thần anh dũng chiến đấu của quân và dân Việt Nam, với những chiến thắng kế tiếp nhau, đã khơi dậy tinh thần yêu chuộng tự do và công lý của nhân dân thế giới và niềm hy vọng, tự tin của các dân tộc đang đấu tranh chống sự áp bức thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

Bấy giờ, hoạt động đối ngoại của ta có nhiệm vụ làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ ngày càng rộng rãi của dư luận thế giới. Muốn vậy, phải làm cho mọi người hiểu rằng đế quốc Mỹ là kẻ xâm lược, chà đạp lên mọi điều khoản của Hiệp định Giơnevơ năm 1954, từ

bên kia Thái Bình Dương đem bom đạn, chất độc hoá học rải xuống miền Nam Việt Nam hòng áp đặt sự thống trị của họ lên đất nước Việt Nam. Con số 65.000 người yêu nước bị Mỹ - Diệm sát hại và hơn nửa triệu người khác bị tra tấn tù đày, từ sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đến năm 1959, đã làm xúc động lòng người. Để giành quyền sống, nhân dân miền Nam Việt Nam không có con đường nào khác là phải nổi dậy chiến đấu. Mặt trận Dân tộc Giải phóng là người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Phần lớn nhân dân các nước trên thế giới, nhất là ở các nước xã hội chủ nghĩa và các nước Á, Phi, Mỹ Latinh, hiểu rõ và đồng cảm với cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân ta. Mỗi khi hai đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xuất hiện là cả hội trường đứng dậy hoan hô. Tuy vậy, trong “thuở ban đầu”, do sức ép và những thông tin sai lệch của phía Mỹ, nên không phải không có sự ngộ nhận trong một bộ phận dư luận. Do đó sự thông cảm, đồng tình với các yêu cầu chính đáng của Việt Nam chỉ đạt được cùng với thời gian. Tôi nhớ, trong một cuộc họp, sau hàng giờ tranh luận, có những bạn ở một vài nước phương Tây nói một cách chân thành: chúng tôi chưa thông về những cụm từ “đế quốc Mỹ”, “vai trò người đại diện chân chính duy nhất của Mặt trận Dân tộc Giải

phóng”, nhưng chúng tôi rất khâm phục cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam và yêu mến các bạn, nên chúng tôi chấp nhận như vậy. Điều rất lý thú và thật cảm động là sau Tết Mậu Thân, phong trào đấu tranh ở miền Nam mở rộng, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam ra đời (do Luật sư Trịnh Đình Thảo làm Chủ tịch), ta đề nghị bỏ hai từ “duy nhất” trong cụm từ “chân chính duy nhất” của Mặt trận Dân tộc Giải phóng trong nghị quyết của các hội nghị quốc tế, thì bạn bè lại không tán thành. Họ nói: “Dù là lực lượng nào mới xuất hiện thì Mặt trận Dân tộc Giải phóng vẫn là người đại diện chân chính duy nhất”.

Cuba là nước đầu tiên có cơ quan đại diện thường trực của Mặt trận Dân tộc Giải phóng (ngày 25/7/1962). Đầu năm 1963, Mặt trận đặt cơ quan đại diện tại Angiêri và Tiệp Khắc. Cũng trong năm ấy, một đoàn cấp cao của Mặt trận, gồm có tôi và các anh Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Văn Tiến, đi thăm chính thức Indônêxia. Tổng thống Xucácno và Chính phủ của ông đã tiếp đón chúng tôi rất trọng thị. Sau đó không lâu, lá cờ với ngôi sao vàng trên nền nửa đỏ nửa xanh cũng tung bay trước trụ sở Cơ quan đại diện của Mặt trận ở thủ đô Giacácta.

Tiếp đó, các cơ quan đại diện và các phòng thông tin của Mặt trận Dân tộc Giải phóng lần lượt thành lập ở Liên

Xô, Trung Quốc, Cộng hòa dân chủ Đức, Indônêxia, Mông Cổ, Lào, Campuchia... rồi ở Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan, Pháp và nhiều nơi khác.

Ngày 12/12/1966, Mặt trận Dân tộc Giải phóng thành lập Phái đoàn đại diện đặc biệt ở miền Bắc, do đồng chí Nguyễn Văn Tiến làm Trưởng đoàn, đồng chí Nguyễn Phú Soái làm Phó Trưởng đoàn.

Tính đến cuối năm 1967, Mặt trận Dân tộc Giải phóng có cơ quan đại diện tại hơn hai mươi nước, và Cuba cũng là nước đầu tiên đặt đại sứ bên cạnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng (ngày 30/6/1967).

Cùng với các nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức đoàn kết nhân dân Á - Phi - Mỹ Latinh, các tổ chức dân chủ quốc tế, phong trào nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ Việt Nam phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ ngay tại các nước phương Tây, đặc biệt sôi nổi là ở Pháp, Italia, Thụy Điển, Anh... và từng bước lan sang Mỹ. Hầu như tất cả các nước lớn nhỏ trên thế giới, đâu đâu cũng có tổ chức đoàn kết ủng hộ Việt Nam; có nước có cả chục, thậm chí cả trăm tổ chức, với những tên gọi khác nhau: ủy ban, phong trào, mặt trận... Thanh niên các nước nhạy bén với những lý tưởng cao đẹp, đặc biệt được thuyết phục bởi hình ảnh của người chiến sĩ Giải phóng quân miền Nam Việt Nam. Danh từ “Việt cộng” mà Mỹ - ngụy muốn chỉ quân kháng chiến với

ý xấu, thì thanh niên và nhân dân nhiều nước lại coi danh từ ấy đồng nghĩa với lòng dũng cảm, tinh thần bất khuất của một dân tộc. Tôi nhớ một lần đến Thụy Điển, vừa bước xuống sân bay Xtóckhôm, thấy hai hàng thanh niên đứng chào đón với lá cờ nửa đỏ nửa xanh có ngôi sao vàng chính giữa của Mặt trận Dân tộc Giải phóng rất lớn, và mấy chục bạn thanh niên tự xưng mình là “Việt cộng Thụy Điển” đồng ca bài “Giải phóng miền Nam” bằng tiếng Thụy Điển. Đã xúc động tôi lại càng xúc động khi được các bạn dẫn đến thăm “vùng giải phóng”, tại một ngôi nhà hoang, được các bạn tự tay tu sửa để lập thành một xưởng in những bản tin, những tờ áp phích to rộng kêu gọi đoàn kết ủng hộ Việt Nam và lên án tội ác chiến tranh của Mỹ... Những ai trong thời gian kháng chiến đã qua Thụy Điển đều được thấy những hình ảnh hết sức cảm động: từ thanh thiếu niên đến các cụ già đều mang trên cánh tay một băng xanh đỏ với ngôi sao vàng, mùa hè cũng như mùa đông, đứng ở các góc đường phố với một chiếc hộp sắt cũng sơn cờ Mặt trận, quyên góp từng đồng curon ủng hộ nhân dân miền Nam. Cùng với phong trào nhân dân rộng rãi, Đảng Xã hội Dân chủ và Chính phủ Thụy Điển với Thủ tướng Olof Palme đứng đầu cũng tỏ thái độ ủng hộ tích cực cuộc đấu tranh của Việt Nam và chỉ trích Chính phủ Mỹ, bất chấp thái độ giận dữ phản ứng của Mỹ.

Chính từ Thủ đô Thụy Điển đã nảy sinh sáng kiến tổ chức “Hội nghị Xtốckhôm về Việt Nam”. Người đầu tiên đứng ra tổ chức hội nghị này là ông Bertil Svanstrom, Chủ tịch Vietnam - Swedish Committee (Ủy ban Việt Nam - Thụy Điển). “Hội nghị Xtốckhôm về Việt Nam” mang tính chất mặt trận rộng rãi của nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược. Hưởng ứng Hội nghị Xtốckhôm, hơn 300 tổ chức và ủy ban đoàn kết ủng hộ Việt Nam lần lượt ra đời ở khắp các châu lục, lôi cuốn hàng trăm học giả nổi tiếng tích cực tham gia. Các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài nhận được hàng vạn bức thư của thanh niên các nước tình nguyện sang miền Nam Việt Nam chiến đấu.

Biết bao hình ảnh và câu chuyện đầy ý nghĩa của nhân dân các nước đoàn kết ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta mà tôi vẫn ghi sâu trong tâm khảm. Cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân ta cùng với uy tín, ảnh hưởng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng lại góp phần cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc, tác động đến thái độ chính trị và tình cảm của nhân dân và chính khách các nước, kể cả các chính khách Mỹ, và tác động ngay cả đến thái độ của nhiều chính phủ ngoài các nước xã hội chủ nghĩa...

Cũng từ năm 1965, do thất bại trong chiến lược “Chiến

tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ phải chuyển sang “chiến tranh cục bộ”: đưa hàng chục vạn quân Mỹ vào trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược quy mô lớn ở miền Nam, đồng thời mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Ngày 17/7/1966, Bác Hồ kêu gọi nhân dân cả nước quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Thấm nhuần lời dạy của Bác: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”!, nhân dân ta càng kết chặt nhau lại chống Mỹ, cứu nước, kiên quyết chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Quân và dân miền Nam đánh cho quân Mỹ những đòn nặng nề ngay khi chúng vừa đặt chân lên đất nước ta, bước đầu đánh bại “chiến tranh cục bộ” của Johnson cả về mặt chiến lược và chiến thuật. Quân và dân miền Bắc cũng bắn rơi hàng nghìn máy bay và bắt sống nhiều giặc lái Mỹ.

Từ ngày 22/3/1965, nhằm thể hiện rõ quyết tâm chiến đấu và thiện chí hòa bình của nhân dân ta, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tuyên bố lập trường 5 điểm: 1) Vạch rõ Mỹ là kẻ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, kẻ gây chiến và xâm lược cực kỳ thô bạo; 2) Nhân dân miền Nam quyết đánh đuổi đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam, thực hiện một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình, trung lập; 3) Nghĩa vụ thiêng liêng của quân và dân miền Nam là đánh đuổi đế quốc Mỹ để giải phóng miền

Nam, bảo vệ miền Bắc; 4) Nhân dân miền Nam Việt Nam tỏ lòng biết ơn sâu sắc sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới và tuyên bố sẵn sàng tiếp nhận mọi sự giúp đỡ, kể cả vũ khí và dụng cụ chiến tranh của bạn bè khắp năm châu; 5) Toàn dân đoàn kết, toàn dân vũ trang, tiếp tục anh dũng xông lên, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ và bọn việt gian bán nước.

Ngày 08/4/1965, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng nêu lập trường bốn điểm, thể hiện ý chí, nguyện vọng của dân tộc ta về hòa bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời làm cơ sở cho giải pháp chính trị đúng đắn về vấn đề Việt Nam: 1) Mỹ phải rút quân, phải chấm dứt can thiệp và xâm lược miền Nam, đình chỉ hành động chiến tranh đối với miền Bắc; 2) Trong lúc còn tạm thời chia làm hai miền, thì không miền nào được liên minh quân sự với nước ngoài, không có quân đội và căn cứ quân sự nước ngoài trên đất mình; 3) Công việc miền Nam do nhân dân miền Nam giải quyết theo Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, không có sự can thiệp của nước ngoài; 4) Việc thống nhất nước Việt Nam do nhân dân hai miền tự giải quyết, nước ngoài không được can thiệp vào.

Trong 10 năm liên tiếp, bắt đầu từ ngày 10/8/1961, Mỹ sử dụng chất diệt cỏ (thực chất là chất độc da cam) làm cho

hàng triệu người bị phơi nhiễm chất độc hóa học gây bệnh tật, tử vong, ảnh hưởng đến các thế hệ con cháu. Đầu năm 1966, Huân tước Bertrand Russell, nhà bác học người Anh, gửi cho Hội nghị đoàn kết Á - Phi - Mỹ Latinh ở La Habana một bức thư ca ngợi cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, một cuộc kháng chiến kiên cường chưa từng thấy trong lịch sử hiện đại, đồng thời ông kêu gọi thành lập toà án quốc tế xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Nhà triết học và nhà văn Pháp Jean Paul Sartre cũng đã có lần nói với các đại biểu Việt Nam rằng: “Các bạn thắng là lương tâm thời đại thắng”, và chính ông đã vận động thành lập Toà án quốc tế Bertrand Russell. Tháng 5/1967, Toà án này họp phiên đầu ở Xtốckhôm gồm 15 thẩm phán Pháp, Anh, Mỹ, Nhật, Cuba, Thổ Nhĩ Kỳ, Pakixtan, Philíppin, v.v., với các tôn giáo và xu hướng chính trị khác nhau. Có người lo ngại làm sao các vị thẩm phán ấy đi được đến nhất trí, vì có lắm ý kiến khác nhau về tính chất xâm lược của cuộc chiến tranh Việt Nam. Nhưng đến phiên cuối họp tại Roskilde (Đan Mạch), tháng 11/1968, thì Toà án Bertrand Russell đã nhất trí biểu quyết lên án chính quyền Hoa Kỳ phạm hai tội danh: tiến hành chiến tranh xâm lược và ném bom hủy diệt các mục tiêu dân sự ở Việt Nam. Nhiều thẩm phán, nhân chứng và công chúng dự phiên toà đã xúc động giàn giụa nước mắt. Cuộc kháng chiến chính

nghĩa của nhân dân ta đã thức tỉnh lương tâm nhân dân Mỹ và toàn nhân loại.

Cả ba mặt trận đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao của Mặt trận Dân tộc Giải phóng đều được đẩy mạnh và giành thắng lợi lớn. Nhiều cuộc họp ở Bratislava (Tiệp Khắc), Giacáccta (Indônêxia), Saint - Ouen (Pháp), Xtốckhôm (Thụy Điển)... có các đoàn thanh niên, phụ nữ Mỹ tham dự. Qua những cuộc tiếp xúc trực tiếp này, các bạn Mỹ hiểu rõ hơn về tội ác chiến tranh do chính quyền Oasinhton gây ra, và hiểu rõ vì sao nhân dân ta phải chiến đấu... Trong những năm từ 1965 trở đi, các đoàn thanh niên, phụ nữ của hai miền Nam và Bắc đã có nhiều cuộc tiếp xúc với các nhóm thanh niên Mỹ trốn quân dịch chống chiến tranh chạy sang Canada hay Thụy Điển (Mỹ thừa nhận có 503.926 vụ đào ngũ từ năm 1966 đến năm 1973).

Thất bại quân sự của Mỹ trên chiến trường càng làm cho mâu thuẫn trong nội bộ giới cầm quyền Mỹ thêm gay gắt. Nhiều người đòi Johnson phải chấm dứt ném bom và ngồi vào bàn thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chấp nhận thực tế của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngày 25/4/1967, Thượng nghị sĩ George Mc Govern tuyên bố đòi chấm dứt ném bom ở cả hai miền Nam Bắc Việt Nam, rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam; ông ta thừa nhận vai trò quan trọng của Mặt trận

Dân tộc Giải phóng và tuyên bố sẵn sàng thương lượng trực tiếp với Mặt trận. Ngày 08/12/1967, Thượng nghị sĩ William Fulbright cũng tuyên bố: hàng triệu người trên thế giới đã đồng tình với Cộng sản ở Việt Nam và không hài lòng với Mỹ; chiến tranh Việt Nam là phi đạo lý. Thượng nghị sĩ Wayne Morse hô hào chống chiến tranh trong một cuộc biểu tình của hai vạn người ở giữa thủ đô Oasinhton. Hai nghìn rưỡi mục sư Mỹ đăng một bản hiệu triệu trên cả một trang của tờ *New York Times* với tiêu đề “Nhân danh Chúa Trời, hãy chấm dứt ngay cuộc chiến tranh (ở Việt Nam)”. Cũng trên tờ báo này, 54.000 giáo sư các trường đại học Mỹ đăng bài ký tên chung đòi chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Mục sư Luther King và bác sĩ Benjamin Spock dẫn đầu cuộc biểu tình của mười vạn người chống chiến tranh ở Niu Oóc. Ủy ban động viên toàn quốc (Mỹ) đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam tổ chức cuộc biểu tình của 150.000 người ở Oasinhton, đụng độ với cảnh sát, 128 người bị bắt, trong đó chủ tịch của Ủy ban là Dave Dellinger... Xúc động nhất là liên tiếp có nhiều người Mỹ tự thiêu để chống chiến tranh Việt Nam, trong đó có cụ bà Helga Alice Hertz 79 tuổi, tự thiêu ở thành phố Detroit, anh Norman Morrison tự thiêu trước cửa Bộ Quốc phòng Mỹ, anh Roger Alen Laporte tự thiêu trước trụ sở Liên hợp quốc... Từ năm 1967, phong trào chống chiến tranh lên cao chưa từng thấy,

diễn hình là ngày 08/02/1967, hơn một triệu người biểu tình tại 420 thành phố thuộc 37 bang trên nước Mỹ. Ngày 16/10/1967, ta lập Ủy ban nhân dân miền Nam Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ, được nhiều bạn người Mỹ hưởng ứng nhiệt tình.

Để lừa bịp nhân dân Mỹ và dư luận thế giới, chính quyền Mỹ giở bài “thương lượng không điều kiện”. Chúng ta sẵn sàng thương lượng nhưng dứt khoát không chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán dưới sức ép của bom đạn Mỹ. Lúc này, chính quyền Johnson đã leo thang chiến tranh trên miền Bắc, ném bom dữ dội ở Hà Nội, Hải Phòng và tăng quân số Mỹ ở miền Nam lên tới 540.000 tên, vượt cả giới hạn cao nhất mà chính quyền xin phép Quốc hội là 525.000 tên. Nhưng càng leo thang chiến tranh thì Mỹ càng thất bại lớn hơn. Bản thân Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ McNamara phải thú nhận Mỹ đã mất ở hai miền Nam Bắc Việt Nam 2.960 máy bay chiến đấu và lên thẳng, trong đó có 2.611 chiếc bị bắn rơi ở miền Bắc, và kết luận: “ném bom miền Bắc Việt Nam không thể kéo họ đến bàn thương lượng”.

Đầu năm 1968, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân và dân ta nổ ra trên khắp chiến trường miền Nam. Hầu hết các cơ quan đầu não của địch đều bị tấn công, đặc biệt là Toà đại sứ Mỹ, Dinh Độc Lập và Bộ

Tổng tham mưu nguy ở Sài Gòn... Đòn tấn công chiến lược hết sức bất ngờ của ta đã gây chấn động cả nước Mỹ, nhất là trúng vào năm bầu cử Tổng thống và một phần Quốc hội nước này. Ngày càng có thêm nhiều cuộc biểu tình nổ ra ở Mỹ. Ngày 28/4/1968, mười vạn người mang theo cờ Mặt trận Giải phóng biểu tình ở Niu Oóc có cả Thị trưởng thành phố này là Lindsay và Dave Dellinger tham gia. Giới cầm quyền rất bối rối. Tướng Westmoreland - Tổng chỉ huy quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam, bị cách chức. Bộ trưởng Quốc phòng McNamara phải từ chức. Tổng thống Johnson phải tuyên bố không ra tranh cử nhiệm kỳ hai và chịu xuống thang chiến tranh, hạn chế ném bom miền Bắc để nói chuyện với ta.

Sau hơn một tháng tranh cãi về địa điểm đàm phán, hai bên lần lượt đưa ra tới 18 thủ đô các nước Á, Âu, đến ngày 03/5/1968, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị họp tại Pari, thủ đô nước Pháp và cử Bộ trưởng Xuân Thủy làm đại diện. Ngay trong hôm đó, Johnson vội vàng họp báo, tuyên bố chấp nhận ý kiến của ta và cử Averell Harriman đại diện phía Mỹ tại Hội nghị Pari.

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản

Phần thứ nhất

**Mặt trận Dân tộc Giải phóng - Chính phủ Cách mạng
lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hội nghị
Pari về Việt Nam**

- Từ Đồng khởi đến Tết Mậu Thân
- Trận địa mới “Vừa đánh vừa đàm”
- Góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”
- Giai đoạn quyết định của đàm phán
- 21/7/1973 - Một ngày đáng ghi nhớ
- Suy nghĩ qua năm tháng

Phần thứ hai

**Hiệp định Pari - Dấu mốc quan trọng dẫn đến hòa bình,
thống nhất đất nước**

- Những kỷ niệm về Bác
- Nguyễn Duy Trinh - Một nhà ngoại giao cách mạng xuất sắc
- Lê Đức Thọ - Nhà thương thuyết tầm cỡ lớn
- Anh Nguyễn Hữu Thọ, Luật sư - Đồng chí của tôi

- Đồng chí Xuân Thủy - Người đã dìu dắt và trực tiếp giúp đỡ tôi trong cuộc đàm phán Pari
- 40 năm Hiệp định Pari
- Hiệp định Pari năm 1973
- Đàm phán bốn bên ở Pari - Cuộc đàm phán dài nhất trong lịch sử ngoại giao Việt Nam
- Hiệp định Pari dẫn đến hòa bình và thống nhất đất nước